**TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG**

**TỔ SỬ-GDKTPL**

 **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – KHỐI 12**

 **NĂM HỌC 2024-2025**

 *Nội dung ôn tập từ bài 11 đến bài 12- học sinh chú ý những nội dung trọng tâm sau*

**BÀI 11: THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIÊU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**Câu 1.** Một trong những nội dung thể hiện việc đổi mới tư duy chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay là gì?

A. Nhận thức rõ ràng hơn về tình hình thế giới. B. Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. Lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam. D. Xác định việc đổi mới kinh tế làm trọng tâm.

**Câu 2.** Mối quan hệ của Đảng, Nhà nước với Nhân dân ngày càng được tăng cường theo quy định của

A. Tư pháp. B. Hiến pháp. C. Hành pháp. D. Lập pháp.

**Câu 3.** Từ sau năm 1986, bộ máy Nhà nước được sắp xếp theo hướng

A. năm tham gia công tác. B. giảm tiền lương tối đa.

C. tinh gọn và hiệu quả. D. đơn giản và hiệu quả.

**Câu 4.** Dưới tác động của công cuộc Đổi mới, nền kinh tế Việt Nam vận hành theo định hướng

A. thị trường. B. quan liêu. C. bao cấp. D. tư doanh.

**Câu 5.** Một trong những thành phần kinh tế mới được phép hoạt động từ sau khi đường lối đổi mới được thực thi là

A. có vốn đầu tư nước ngoài. B. kinh tế nhà nước quản lý.

C. kinh tế tập thể, hợp tác xã. D. kinh tế cá thể, hộ gia đình

**Câu 6.** Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Việt Nam?

A. Tư nhân. B. Nhà nước. C. Cá thể. D. Nước ngoài.

**Câu 7.** Một trong những thành tựu của công cuộc Đổi mới về xã hội là

A. xóa bỏ hố sâu phân cách giàu nghèo trên cả nước.

B. đã xóa bỏ hoàn toàn các mâu thuẫn trong xã hội.

C. chấp nhận, cho phép tự do thành lập các Đảng.

D. những nhu cầu thiết yếu được đáp ứng tốt hơn.

**Câu 8.** Một trong những thành tựu mà giáo dục Việt Nam đạt được vào năm 2000 là

A. phổ cập giáo dục tiểu học. B. phổ cập trung học cơ sở.

C. đứng đầu thế giới về Toán. D. hoàn thành phổ cập đại học.

**Câu 9.** Một trong những thành tựu mà giáo dục Việt Nam đạt được vào năm 2010 là

A. phổ cập giáo dục tiểu học. B. phổ cập trung học cơ sở.

C. đứng đầu thế giới về Văn. D. đạt nhiều giải Noben nhất.

**Câu 10.** Về chính trị, trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây?

**A**. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

**B**. Xây dựng được mô hình Nhà nước chuyên chính vô sản.

**C**. Xoá bỏ chế độ phong kiến, xây dựng chế độ mới, dân chủ.

**D**. Thay đổi phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 11.** Trong giai đoạn từ năm 1986-1995, cán cân kinh tế Việt Nam có sự dịch chuyển theo hướng từ nhập siêu sang

A. xuất siêu. B. phát triển. C. khủng hoảng. D. tái thiết.

**Câu 12.** Tính đến năm 2024, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới?

A. 191. В. 195. C. 194. D. 196

**Câu 13**. Một trong những thành tựu chính trị của Việt Nam thời kì Đổi mới (từ năm 1986) là

**A**. xây dựng Nhà nước chuyên chính vô sản.

**B**. bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền.

**C**. duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

**D**. thực hiện xong xoá đói, giảm nghèo.

**Câu 14.** Một trong những thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là:

A. đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng. B. trở thành cường quốc số 1 của châu Á.

C. xóa thành công tình trạng tham nhũng. D. 100% công nhân có được bằng đại học.

**Câu 15.** Một trong những thành tựu về đổi mới Chính trị, An ninh - Quốc phòng là

A. xây dựng thành công hạm đội tàu sân bay mạnh nhất châu Á.

B. xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh.

C. tham gia đầy đủ vào các tổ chức quân sự quốc tế và khu vực.

D. trở thành ủy viên thường trực hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

**Câu 16.** Một trong những nguyên tắc hàng đầu đặt ra cho công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là:

A. kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. B. không tiến hành mua các loại vũ khí.

C. tránh xung đột quân sự trên biển Đông D. gia nhập các tổ chức liên kết kinh tế.

**Câu 17.** Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm gì để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trâm trọng về kinh tế - xã hội?

A. Tiến hành tập thể hóa nông, công nghiệp. B. Gia nhập vào hội đồng tương trợ kinh tế

C. Tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước. D. Tiến hành chiến tranh biên giới Tây Nam.

**Câu 18.** Một trong những kết quả mà đổi mới về chính trị, an ninh - quốc phòng đem lại cho Việt Nam là

A. giữ vững sự ổn định chính trị. B. trở thành cường quốc quân sự.

C. giành lại thành công Hoàng Sa. D. ngân sách quốc phòng tăng lên.

**Câu 19.** Đường dây 500kV được xây dựng và đóng điện thành công (1994) có ý nghĩa như thế nào đối với Việt Nam?

A. Giải quyết nạn thiếu điện ở miền Nam, thúc đẩy kinh tế phát triển.

B. Khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước Việt Nam.

C. Giải quyết xong vấn đề tranh chấp đường biên giới trên bộ với Lào.

D. Biến Sài Gòn trở thành trung tâm kinh tế chính trị lớn nhất đất nước.

**Câu 20.** Một trong những tác động tích cực mà quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đem đến cho Việt Nam là

A. nhận chuyển giao công nghệ miễn phí. B. được miễn thuế khi bán hàng nông sản.

C. dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn đầu tư. D. tiếp cận nguồn lao động giá rẻ châu Phi.

**Câu 21.** Một trong những khó khăn mà quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đem đến cho Việt Nam là

A. sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường. B. bị đánh thuế cao đối với hàng nông sản.

C. khó khăn trong quá trình vận chuyển. D. nguồn vốn được vay với lãi suất quá cao.

**Câu 22.** Những thành tựu trong công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay chứng tỏ

A. sự cần thiết phải liên kết về mặt quân sự. B. Việt Nam trở thành cường quốc kinh tế.

C. đường lối đổi mới là đúng đắn, phù hợp. D. kiên định con đường chủ nghĩa xã hội.

**Câu 23.** Một trong những nội dung là hạn chế của công cuộc đổi mới kinh tế đất nước từ năm 1986 đến nay là

A. tình trạng mất cân đối trong ngành kinh tế. B. lệ thuộc hoàn toàn thị trường Trung Quốc.

C. chưa tiếp cận được thị trường châu Âu. D. chưa đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất.

**Câu 24.** Một trong những nội dung là hạn chế của công cuộc đổi mới văn hóa đất nước từ năm 1986 đến nay là

A. chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ. B. nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị mai một.

C. còn thiếu đi một vài hệ tư tưởng chính thống. D. văn hóa không được truyền bá ra bên ngoài.

**Câu 25.** Lực lượng nào sau đây giữ vai trò tập hợp, đoàn kết toàn thể dân tộc trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay?

A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. B. Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. D. Đội tuyển quốc gia Việt Nam.

**Câu 26.** Nhân tố quyết định đến sự thành công của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là:

A. những bài học từ Liên Xô và Trung Quốc.

B. viện trợ to lớn, cần thiết từ Liên Hợp quốc.

C. Mỹ chủ động xóa bỏ bao vây và cấm vận.

D. vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 27.** Những thành tựu trong công cuộc Đổi mới đất nước của Việt Nam và cuộc cải cách - mở cửa của Trung Quốc đều có ý nghĩa nào sau đây?

A. Nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

B. Trở thành ủy viên thường trực hội đồng bảo an.

C. Thu nhập quốc dân đạt mức trên 1000 tỷ đô la.

D. Buộc Mỹ rút các căn cứ quân sự gần biên giới.

**Câu 28.** Một trong những nội dung là điểm khác biệt của chính sách đối ngoại trước và sau công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam là:

A. muốn nâng cao vị thế đất nước. B. coi trọng mối quan hệ với Lào.

C. thái độ và chính sách với Mỹ. D. kiên trì sự lãnh đạo của Đảng.

**Câu 29**. Nội dung nào sau đây là đúng về thành tựu đổi mới chính trị của Việt Nam (từ năm 1986)?

**A**. Tăng cường chế độ chuyên chính vô sản.

**B**. Mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

**C**. Tăng cường thành phần kinh tế tư nhân.

**D**. Các vấn đề an sinh xã hội được cải thiện.

**Câu 30**. Nội dung nào sau đây là đúng về thành tựu kinh tế Việt Nam trong thời kì Đổi mới?

**A**. Trở thành nước có thu nhập cao nhất Đông Nam Á.

**B**. Hoàn thành công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

**C**. Trở thành một trong ba trung tâm tài chính của thế giới.

**D**. Đa phương hoá, đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu.

**Câu 31**. Nội dung nào sau đây là đúng về các thành phần kinh tế ở Việt Nam thời kì Đổi mới?

**A**. Kinh tế tư nhân không được khuyến khích để phát triển.

**B**. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò chủ đạo.

**C**. Các thành phần kinh tế đều phát huy được lợi thế.

**D**. Các thành phần kinh tế có vai trò, vị trí như nhau.

**Câu 32**. Một trong những thành tựu mà kinh tế Việt Nam đạt được trong thời kì Đổi mới là

**A**. chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp.

**B**. chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng nông nghiệp.

**C**. trở thành nước công nghiệp hiện đại có thu nhập đầu người cao.

**D**. xây dựng nền kinh tế kế hoạch hoá do Nhà nước quản lí hiệu quả.

**Câu 33**. Từ khi thực hiện Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu kinh tế nào sau đây?

**A**. Hoàn thành quá trình công nghiệp hoá sớm so với mục tiêu.

**B**. Trở thành nước công nghiệp hiện đại có thu nhập đầu người cao.

**C**. Hình thành nền kinh tế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

**D**. Trở thành thành viên sáng lập của Tổ chức Thương mại Thế giới.

**Câu 34.** Về văn hoá – xã hội, Việt Nam đạt được thành tựu nào sau đây trong thời kì Đổi mới?

**A**. Xoá hoàn toàn hộ nghèo. **C**. Phổ cập giáo dục đại học.

**B**. Giảm tỉ lệ hộ nghèo. **D**. Bước đầu xoá mù chữ.

**Câu 35.** Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu văn hoá – xã hội nào sau đây?

**A**. Giải quyết được vấn đề lao động và việc làm.

**B**. Xoá bỏ được tình trạng lao động thất nghiệp.

**C**. Chỉ số phát triển con người đứng đầu ASEAN.

**D**. Miễn phí mọi chi phí về y tế cho nhân dân.

**Câu 36**. Trong thời kì Đổi mới, VN thực hiện chế độ ưu đãi xã hội đối với đối tượng Điểm

nào sau đây?

**A**. Người cao tuổi (từ 70 tuổi trở lên). **B**. Người có công với Tổ quốc.

**C**. Trí thức được đào tạo ở nước ngoài. **D**. Doanh nhân thành đạt.

**Câu 37**. Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu văn hoá – xã hội nào sau đây?

**A**. Giải quyết vấn đề lao động và việc làm.

**B**. Không còn tình trạng lao động thất nghiệp.

**C**. Chỉ số phát triển con người đứng đầu ASEAN.

**D**. Miễn phí mọi chi phí y tế cho toàn dân.

**Câu 38**. Trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu giáo dục nào sau đây?

**A**. Phổ cập giáo dục trung học phổ thông.

**B**. Thực hiện giáo dục miễn phí cho toàn dân.

**C**. Triển khai phong trào Bình dân học vụ.

**D**. Phổ cập giáo dục ở cấp trung học cơ sở.

**Câu 39**. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về thành tựu văn hoá ở Việt Nam từ sau năm

1986?

**A**. Nhiều di sản văn hoá được UNESCO ghi danh.

**B**. Bước đầu công bố Đề cương văn hoá Việt Nam.

**C**. Lập xong hồ sơ cho tất cả các di sản văn hoá.

**D**. Công nhận gia đình văn hoá cho tất cả các hộ.

**Câu 40**. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một thành tựu hội nhập quốc tế của VN thời

kì Đổi mới?

**A**. Trở thành thành viên chính thức của Liên hợp quốc.

**B**. Tham gia nhiều diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế.

C. Trở thành thành viên thường trực Hội đồng Bảo an.

**D**. Giữ gìn hoà bình ở tất cả các điểm nóng trên thế giới.

**Câu 41**. Về hội nhập quốc tế, trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã đạt được thành tựu nào sau đây?

**A**. Tăng cường các mối quan hệ song phương và đa phương.

**B**. Thành lập liên minh quân sự với các nước Đông Dương.

**C**. Có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các cường quốc.

**D**. Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với tất cả các nước ASEAN.

**Câu 42**. Nội dung nào sau đây ***không phải*** ý nghĩa của thành tựu kinh tế của Việt Nam thời kì Đổi mới?

**A**. Tạo điều kiện thuận lợi để hội nhập quốc tế toàn diện.

**B**. Đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội.

**C**. Cải thiện đời sống và thu nhập của các tầng lớp nhân dân.

**D**. Đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á.

**Câu 43.** Những thành tựu đổi mới chính trị ở Việt Nam sau năm 1986 có ý nghĩa nào sau đây?

**A**. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội.

**B**. Mở ra cơ hội để gia nhập Liên hợp quốc.

**C**. Là cơ sở tiên quyết để đổi mới kinh tế.

**D**. Là điều kiện đầu tiên để đổi mới văn hoá.

**Câu 44.** Thành tựu đổi mới văn hoá – giáo dục ở Việt Nam (từ năm 1986) có ý nghĩa nào sau đây?

**A**. Đưa Việt Nam trở thành nước đầu tiên trong khu vực phổ cập trung học phổ thông.

**B**. Bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống và tạo ra các giá trị văn hoá mới tiến bộ.

**C**. Sáng tạo ra các giá trị văn hoá mới, triệt tiêu hoàn toàn các tàn dư của văn hoá cũ.

**D**. Nâng cao chất lượng giáo dục, trở thành quốc gia có nền giáo dục tốt nhất châu Á.

**Câu 45.** Nhận xét nào sau đây ghi nhận Đảng Cộng sản Việt Nam đã giải quyết tốt mối quan hệ

giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị?

**A**. Đổi mới toàn diện trong đó trọng tâm và đi đầu là đổi mới chính trị.

**B**. Đổi mới chính trị đi trước tạo điều kiện pháp lí cho đổi mới kinh tế.

**C**. Hoàn thành xây dựng nhà nước pháp quyền phù hợp với kinh tế thị trường.

**D**. Xây dựng nền kinh tế thị trường phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI**

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng là một xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do Nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử* 12, bộ *Cánh diều*, trang 66).

a. Tư liệu đề cập đến bản chất xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang hướng đến.

b. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường có định hướng phù hợp.

c. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước pháp quyền, quyền lực thuộc về đảng.

d. Các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, lấy dân tộc Kinh làm trung tâm.

**Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Cánh diều*, trang 67).

a. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hướng tới phát triển, hiện đại, hội nhập và đồng bộ.

b. Định hướng kinh tế xã hội chủ nghĩa là nâng cao vai trò quản lý kinh tế của đảng.

c. Trong phát triển kinh tế XHCN, cần tuân theo mọi quy luật của kinh tế thị trường.

d. Mục tiêu phát triển kinh tế là đảm bảo dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng...

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chỉ số bao phủ chăm sóc sức khoẻ toàn dân của Việt Nam tính đến năm 2022 là 73%, cao hơn mức trung bình của khu vực và thế giới, trong đó ngời nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí; tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 62 tuổi (năm 1990) lên 73,7 tuổi (năm 2020); thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam sau 35 năm đổi mới tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD/người/năm (năm 2020).”

(*SGK Lịch sử 12*, bộ *Cánh diều*, trang 69).

a. Tư liệu đề cập đến một trong những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

b. Trong công cuộc đổi mới, Việt Nam đạt tiến bộ lớn nhất về phát triển con người.

c. Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam tăng nhanh, đứng vị trí 17 thế giới.

d. Chỉ số chăm sóc sức khỏe toàn dân của Việt Nam ở mức hơn trung bình thế giới.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 2020, tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của Việt Nam đạt 99 % (đứng thứ hai trong ASEAN); tỉ lệ học sinh đi học và hoàn thành chương trình tiểu học sau 5 năm đạt 92,08 % (đứng ở tốp đầu trong ASEAN). Năm 2019, lần đầu tiên Việt Nam có 4 cơ sở giáo dục đại học được vào tốp 1000 trường đại học tốt nhất thế giới. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GI) của Việt Nam năm 2019 xếp vị trí 42/129 quốc gia/nền kinh tế, đứng đầu trong nhóm 26 quốc gia thu nhập trung bình thấp và đứng thứ ba trong ASEAN,”

(*SGK Lịch sử 12*, bộ *Cánh diều*, trang 70).

a. Tính đến năm 2020, Việt Nam đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, trung học.

b. Tỉ lệ học sinh đi học đúng tuổi của Việt Nam đứng thứ hai trong tổ chức ASEAN.

c. Giáo dục đại học ở Việt Nam đã lọt top 4 trong các cơ sở đại học tốt nhất thế giới.

d. Thành tựu trong đổi mới giáo dục đã đưa Việt Nam vào nhóm các nước phát triển.

**Câu 5**. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” (Điều 2, Hiến pháp năm 2013). “Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật” (Điều 4, Hiến pháp năm 2013).”

(*SGK Lịch sử 12*, bộ *Chân trời sáng tạo*, trang 69).

a. Nhà nước Pháp quyền ở Việt Nam đảm bảo mọi quyền lực thuộc về Nhân dân.

b. Nhà nước do Đảng tổ chức, thành lập và lãnh đạo theo Hiến pháp, Pháp luật.

c. Nền tảng của quyền lực nhà nước là liên minh công, nông và đội ngũ trí thức.

d. Cơ quan biểu trưng cho quyền lực của Nhân dân là Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 6.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“**Ý nghĩa biểu trưng và khẩu hiệu của cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam**

Màu xanh dương - màu nền chính là màu đặc trưng cho công vụ. Bàn tay được kết nối với nhau bên trong một vòng tròn khép kín là hình tượng hóa câu khẩu hiệu “CHUNG TAY CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH” - thế hiện sự quyết tâm, đồng lòng, sự cam kết hoàn thành trách nhiệm của tất cả các bộ, ngành, địa phương, của người dân và doanh nghiệp tham gia vào tiến trình cải cách thủ tục hành chính. Sự sắp đặt các bàn tay tạo nên hình ngôi sao vàng - biểu tượng quốc gia của Việt Nam thế hiện niềm tự hào dân tộc. Màu đỏ chính giữa là màu đặc trưng của công quyền.”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Chân trời sáng tạo*, trang 70).

a. Trong đổi mới, cải cách thủ tục hành chính tạo góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

b. Cải cách thủ tục hành chính nhằm để giảm sự lệ thuộc của Nhân dân vào nhà nước.

c. Biểu trưng của cải cách thủ tục hành chính Việt Nam thể hiện niềm tự hào dân tộc.

d. Trong đổi mới đất nước, cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay đã hoàn thành.

**Câu 7.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đến năm 2022, cả nước có 6009/8225 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, có 937 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 110 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 255 huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, 18 tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 5 tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Chân trời sáng tạo*, trang 73).

a. Tỉ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay đã đạt tỉ lệ 100%.

b. Xây dựng nông thôn mới là chủ trương nhằm phát triển nông thôn, nông dân.

c. Xây dựng nông thôn mới nhằm mục tiêu nông thôn hóa các đô thị đông dân.

d. Tính đến năm 2022, có 5 tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

**Câu 8.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tính đến năm 2020, cả nước có 28 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh, 301 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 191 hiện vật và nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia; 3.489 di tích quốc gia; 122 di tích quốc gia đặc biệt; 168 bảo tàng, thường xuyên lưu giữ và trưng bày khoảng 3 triệu tài liệu, hiện vật”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Chân trời sáng tạo*, trang 73).

a. Tư liệu đề cập đến những thành tựu về văn hóa của công cuộc đổi mới đất nước.

b. Tính đến 2020, Việt Nam có nhiều di sản văn hóa thế giới được ghi danh nhất.

c. Hệ thống bảo tàng ở Việt Nam đã lưu trữ toàn bộ các tài liệu, hiện vật văn hóa.

d. Đổi mới văn hóa đã góp phần bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa của đất nước.

**BÀI 12: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG ĐẤU TRANH**

**GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (Từ đầu thế kỷ XX đến năm 1975)**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIÊU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**Câu 1.** Đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu thực hiện

A. những hoạt động đối ngoại bước đầu.

B. những hoạt động ngoại giao chính thức

 C.các hoạt động ngoại giao với các nước

D. các hoạt động đối ngoại chính thức.

**Câu 2**. Trong giai đoạn 1905 - 1999, những hoạt động đối ngoại của Phan Bội chủ yếu diễn ra ở

A. Liên Xô B. Xiêm (Thái Lan). C. Trung Quốc.

D. Nhật Bản.

**Câu 3.** Trong những năm ở Pháp giai đoạn 1911 - 1925, Phan Châu Trình đã có hoạt động đối ngoại nào sau đây?

A. Viết báo, diễn thuyết để thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.

B. Sáng lập Hội Chấn Hoa Hưng Á và nhiều tổ chức chính trị khác.

C. Tố cáo và lên án Chính phủ Pháp cũng chính phủ các nước phương Tây

D. Tổ chức phong trào Đông du, tham gia các hoạt động của Đảng Xã hội Pháp.

**Câu 4**. Trong giai doan 1921-1930, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập

A. Hội Liên hiệp thuộc địa.

B.Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Đông Nam Á

C.Hội Liên hiệp các nước thuộc địa châu Á

D. Hội Liên hiệp các quốc gia bị áp bức ở Đông Á

**Câu 5.** Trong giai đoạn 1941-1945, chủ trương và chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện chủ yếu thông qua tổ chức nào sau đây?

A. Ban Chỉ huy hải ngoại.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Quốc tế Cộng sản.

D. Mặt trận Việt Minh.

**Câu 6.** Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau khi mới ra đời đã thực hiện các hoạt động đối ngoại nhằm

A. bảo vệ chính quyền, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với sự nghiệp đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc.

C. tránh đối đầu cùng lúc nhiều kẻ thù, từng bước đánh bại quân Tường và Trung Hoa Dân Quốc.

D. tránh chiến tranh, đàm phán thương lượng bằng mọi giá, đặc biệt là với Chính phủ Pháp

**Của 7.** Trong thời kì 1954 - 1975, hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung phục vụ sự nghiệp nào sau đây?

A. Bảo vệ miền Bắc, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

C. Bảo vệ và thống nhất chủ nghĩa xã hội.

D. Thống nhất đất nước bằng con đường hoà bình.

**Câu 8.** Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), Việt Nam chủ yếu củng cố, phát triển quan hệ với

A. Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Trung Quốc, Liên Xô và các nước Tây Âu

C. Liên Xô và các nước Đông Nam Á.

D. Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.

**Câu 9.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

A. Phá thể bao vây, cấm vận.

B. Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác .

C. Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức diễn đàn quốc tế.

D. Việt Nam trở thành thành viên chủ lực nhất trong tổ chức ASEAN.

**Câu 10 .** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay đạt được nhiều kết quả và đột phá lớn trong thời gian nào sau đây?

 A. Đầu những năm 90 của thế ki XX

B. Cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

C. Cuối những năm 90 của thế kỉ XX.

D. Thập kỉ đầu của thế kỉ XXI

**Câu 11**. Sự kiện nào sau đây diễn ra năm 1995?

A. Việt Nam gia nhập ASEAN

B. Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN.

C. Việt Nam chính thức tham gia Diễn đàn hợp tác Á -Âu.

D. Việt Nam tham gia kí kết Hiệp định hòa bình Pa-ri về Cam-pu-chia

**Câu 12**. Từ năm 2008 đến năm 2023, Việt Nam đã thiết lập, nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với những quốc gia nào sau đây?

A. Trung Quốc, Liên bang Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.

B. Trung Quốc, Liên bang Nga, Lào, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.

C. Trung Quốc, Liên bang Nga, Cu-ba, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.

D. Trung Quốc, Liên bang Nga, Ấn Độ, Triều Tiên, Mỹ, Nhật Bản.

**Câu 13.** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong những năm gần đây còn gắn liền với

A. viện trợ không hoàn lại cho các nước phát triển, cứu hộ thiên tai, bảo vệ khí hậu.

B. ứng phó biến đổi thời tiết, cứu hộ tài nguyên môi trường

C. giao lưu văn hoá, ứng phó biến đổi thời tiết, bảo vệ thảm hoạ

D. hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm hoạ thiên tai, bảo vệ môi trường.

**Câu 14.** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong những năm gần đây tiếp tục đóng vai trò nào sau đây?

A. Giúp Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - văn hoá.

B. Giúp Việt Nam đạt được những thành tựu đột phá về an ninh,

C. Góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

D. Đưa Việt Nam chính thức trở thành nước công nghiệp phát triển.

**Câu 15.** Một trong những địa điểm mà Nguyễn Ái Quốc thực hiện các hoạt động đối ngoại từ năm 1911 đến năm 1920 là

A. Trung Quốc. B. Liên Xô. C. Thái Lan. D. Pháp.

**Câu 16.** Một trong những tổ chức được Nguyễn Ái Quốc thành lập khi ở nước ngoài giai đoạn từ năm 1911-1930là

A. Hội liên hiệp thuộc địa. B. Điền Quế Việt liên minh.

C. Mặt trận Việt - Miên - Lào. D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Câu 17.** Trong giai đoạn từ năm 1923 đến năm 1927 Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện các hoạt động đối ngoại ở đâu?

A. Ấn Độ. B. Liên Xô. C. Thái Lan. D. Tây Âu.

**Câu 18.** Một trong những hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930 - 1945 là

A. quyên góp giúp đỡ Nhân dân thế giới. B. đưa bộ đội tình nguyện vào chiến đấu.

C. thành lập Mặt trận Tổ quốc các cấp. D. gửi đơn xin gia nhập Hội quốc liên.

**Câu 19.** Đầu thế kỷ XX, nhân vật tiên phong tìm đến trào lưu dân chủ tư sản để cứu nước là

A. Phan Bội Châu. B. Nguyễn Ái Quốc. C. Nguyễn Đức Cảnh. D. Ngô Gia Tự.

**Câu 20.** Phong trào nào sau đây được Phan Bội Châu tổ chức trong giai đoạn 1905 đến

1917?

A. Tây học. B. Cải cách. C. Bạo động. D. Đông Du.

**Câu 21.** Người Cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam là

A. Phan Bội Châu. B. Nguyễn Ái Quốc. C. Nguyễn Đức Cảnh. D. Ngô Gia Tự.

**Câu 22.** Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động đối ngoại nào sau đây?

A. Sang Liên Xô dự lễ tang Lênin, nghiên cứu chủ nghĩa Mác.

B. Tham dự Đại hội Tua, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Ba.

C. Gửi bản yêu sách của Nhân dân An Nam đến hội nghị Véc-xai.

D. Tham gia đoàn cố vấn cao cấp của Liên Xô đến Trung Quốc.

**Câu 23.** Sự kiện nào sau đây đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng cho dân tộc Việt Nam?

A. Bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế ba (1920).

 B. Gửi bản yêu sách của Nhân dân An Nam (1919).

C. Đọc được bản Luận cương của Lênin (1920).

D. Tham gia hợp nhất các tổ chức cộng sản (1930).

**Câu 24.** Ngày 6-3-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký với đại diện của Chính phủ Pháp bản hiệp định nào sau đây?

A. Bàn Môn Điếm. B. Giơ-ne-vơ. C. Hiệp định Pa-ri D. Hiệp định Sơ-bộ.

**Câu 25.** Một trong những đối tượng của hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau Cách mạng tháng Tám (1945) là:

A. Pháp. B. Cuba. C. Ai Cập. D. Anh.

**Câu 26.** Trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mở các cơ quan đại diện ở:

A. châu Phi. B. châu Mỹ. C. châu Úc. D. châu Á.

**Câu 27.** Một trong những quốc gia mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1950 là

A. Trung Quốc. C. Ai Cập. B. Cuba. D. Ấn Độ.

**Câu 28.** Liên minh Việt - Miên - Lào (1951) là

A. liên minh tự nguyện của ba nước Đông Dương.B. tổ chức hợp tác kinh tế, chính trị Đông Dương.

C. liên minh quân sự của ba nước Đông Dương. D. tổ chức hợp tác phát triển của Đông Dương.

**Câu 29.** Hội nghị Giơ-ne-vơ (1954) được triệu tập để giải quyết vấn đề nào sau đây?

A. Đông Đức. B. Đông Dương. C. Cam-pu-chia. D. Trung Đông.

**Câu 30.** Nhận xét nào sau đây đối với Hiệp định Pa-ri (1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là đúng?

A. Kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao dài nhất, khó khăn nhất.

B. Thắng lợi chung của khối xã hội chủ nghĩa trước âm mưu của Mỹ.

C. Hiệp định đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

D. Là thời cơ trực tiếp để Nhân dân ta tiến lên giải phóng miền Nam.

**Câu 31.** Nội dung nào sau đây là mục đích của các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành trong giai đoạn 1954-1960?

A. đòi Mỹ, Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

B. tố cáo tội ác của chính quyền Sài Gòn gây ra.

C. đấu tranh đòi quyền tự do dân sinh và dân chủ.

D. bảo vệ biên giới giữa hai miền là vĩ tuyến 17.

**Câu 32.** Hội nghị Pa-ri (1969-1973) được tổ chức với mục đích nào sau đây?

A. Chống lại âm mưu xâm lược bán đảo Đông Dương.

B. Thiết lập liên minh giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Tìm giải pháp kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam.

D. Thương lượng để kết thúc cuộc khủng hoảng tên lửa.

**Câu 33.** Hiệp định Sơ-bộ (6/3/1946), Pháp đã công nhận Việt Nam là quốc gia

A. độc lập. B. tự do. C. dân chủ. D. dân quyền.

**Câu 34.** Ngày 14/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Pháp văn kiện nào sau đây?

A. Tạm ước. C. Công ước. B. Khế ước. D. Hiệp ước.

**Câu 35.** Một trong những nội dung của quyền dân tộc cơ bản là

A. độc lập. B. bình đẳng C. hạnh phúc. D. công bằng.

**Câu 36.** Nội dung nào sau đây là mục đích của các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau Cách mạng tháng Tám đến trước ngày 19/12/1946?

A. Tranh thủ, tập trung phát triển kinh tế đất nước

 B. Xin gia nhập vào các tổ chức hòa bình quốc tế.

C. Yêu cầu các nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

D. Để tránh một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

**Câu 37.** Các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau Cách mạng tháng Tám phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

A. Không vi phạm đến chủ quyền dân tộc. B. Không nhân nhượng thòa hiệp với Pháp.

C. Nhân nhượng tất cả yêu cầu của Tưởng. D. Giải quyết xung đột bằng thương lượng.

**Câu 38.** Nội dung nào sau đây thể hiện mục đích của việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp bản Tạm ước ngày 14/9/1946

A. Kéo dài thời gian hòa bình để chuẩn bị kháng chiến.

B. Tranh thủ thời gian để điều động bộ đội từ Nam ra.

C. Đợi chi viện từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

D. Tranh thủ khi lực lượng Pháp còn yếu để đàm phán.

**Câu 39.** Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ đến Pa-ri đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

A. Vạn Tường. B. Đồng Xoài. C. Mậu Thân. D. Núi Thành.

Câu 20. Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri?

A. Điện Biên Phủ trên không B. Tiến công chiến lược 1972.

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng. D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 40.** Nội dung nào sau đây là hạn chế trong Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 đã được khắc phục trong Hiệp định Pa-ri 1973?

A. Chuyển quân, tập kết. B. Ba lực lượng chính trị.

C. Hai vùng kiểm soát, D. Giám sát quốc tế.

**Câu 41.** Các hoạt động đối ngoại thực hiện trong giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám đến trước ngày 19/12/1946 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

A. Tạo điều kiện cho các chiến dịch quân sự diễn ra.

B. Tập hợp quần chúng đứng dưới ngọn cờ của Đảng.

C. Tranh thủ thời gian hòa hoãn để chờ sự chi viện.

D. Bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

**Câu 42.** Một trong những kết quả đem lại cho cách mạng Việt Nam từ việc ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 là:

A. đẩy hai mươi vạn quân Tưởng về nước. B. Pháp còn ở Việt Nam mười ngàn quân.

C. Pháp công nhận độc lập cho Việt Nam. D. các nước xã hội chủ nghĩa đã viện trợ.

**Câu 43.** Đâu là kết quả mà cách mạng Việt Nam đạt được khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954?

A. Thống nhất đất nước. B. Miền Bắc giải phóng.

C. Miền Nam giải phóng. D. Đánh bại đế quốc Mỹ.

**Câu 44.** Đâu là kết quả mà cách mạng Việt Nam đạt được khi ký Hiệp định Pa-ri năm 1973?

A. Đánh bại hoàn toàn đế quốc Mỹ. B. So sánh lực lượng có lợi cho ta.

C. Thống nhất đất nước về lãnh thổ. D. Nhận được sự viện trợ lớn từ Nhật.

**Câu 45.** Sự kiện nào đây có ý nghĩa là bước ngoặt mới đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 của Nhân dân Việt Nam?

A. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương. B. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

C. Hiệp định Pa-ri được ký kết năm 1973. D. Chiến thắng Lam Sơn 719 năm 1971.

**Câu 46.** Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau cơ bản giữa Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) và Hiệp định Pa-ri (1973)?

A. Đều buộc các nước đế quốc chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút hết quân về nước.

B. Là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền tự do cơ bản của Nhân dân Việt Nam.

C. Các bên thừa nhận trên thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội.

D. Thỏa thuận các bên ngừng bắn thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.

**Câu 47.** Một trong những nguyên tắc cơ bản, quan trọng để đàm phán đi đến ký kết Hiệp định Sơ-bộ 1946, Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 và Hiệp định Pa-ri 1973 là:

A. tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

B. phạm vi đóng quân chia thành vùng riêng biệt.

C. các bên tham chiến phải nhanh chóng rút quân.

D. không được sử dụng các loại vũ khí hủy diệt.

**Câu 48.** Từ thắng lợi của Việt Nam trong Hội nghị Pa-ri (1973), Đảng đã rút ra bài học kinh nghiệm gì cho đường lối ngoại giao hiện nay?

A. Thực hiện đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ.

B. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cường quốc.

C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

D. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI**

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 7 - 1925, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông, một đoàn thể có tính chất quốc tế bao gồm người Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, In-đô-nê-xi-a, Miến Điện, Tuyên ngôn của Hội khẳng định con đường duy nhất để xóa bỏ sự áp bức chỉ có thể là liên hiệp các dân tộc nhỏ yếu bị áp bức và giai cấp vô sản toàn thế giới, áp dụng những phương pháp cách mạng để lật đổ đế quốc thực dân”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, trang 75)

a. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông khi đang hoạt động ở Trung Quốc.

b. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông là tổ chức đầu tiên Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập.

c. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông là một tổ chức quốc tế lớn tập hợp tất cả các dân tộc châu Á.

d. Với Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông, Nguyễn Ái Quốc gắn cách mạng Việt Nam với thế giới.

**Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chúng ta có bổn phận ủng hộ Liên Xô kháng chiến! Hãy đoàn kết để tranh đấu kỷ niệm Cách mệnh tháng Mười đã đẻ ra Liên Xô. Tranh đấu ủng hộ Liên Xô tức là tranh đấu chống phát xít Pháp - Nhật, chống chính sách lừa bịp và ăn cướp của chúng. Tranh đấu ủng hộ Liên Xô tức là tranh đấu chống sinh hoạt đắt đỏ, đòi công ăn việc làm.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 75)

a. Tư liệu trên nói về một trong những chủ trương của Đảng trong giai đoạn 1939 - 1945.

b. Đảng chủ trương đưa lực lượng trong nước sang giúp đỡ Nhân dân Liên Xô chống Đức.

c. Đảng coi việc đẩy mạnh cuộc đấu tranh trong nước là một biện pháp để giúp đỡ Liên Xô.

d. Với chủ trương trên, cách mạng Việt Nam đã góp phần vào cuộc chiến chống phát xít.

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thông qua mặt trận Việt Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện rõ chủ trương đứng về phía lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống quân phiệt Nhật Bản, đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cách mạng Việt Nam. Đại diện của Mặt trận Việt Minh tiếp xúc với đại diện của Trung Hoa Dân quốc, bàn về kế hoạch phối hợp chống quân phiệt Nhật Bản, cử đại biểu tham gia Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội - một tổ chức của người Việt Nam hoạt động ở phía nam Trung Quốc. Đối với phái bộ Mỹ ở phía nam Trung Quốc, đại diện của Mặt trận Việt Minh chủ động bắt liên lạc để thiết lập quan hệ và hợp tác chống quân phiệt Nhật Bản. Cuối tháng 4 - 1945, sự hợp tác giữa Việt Minh và Cơ quan Tình báo chiến lược Mỹ (OSS) tại châu Á được xác lập.”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, trang 76).

a. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Việt Minh đứng về phe Đồng minh chống phát xít.

b. Việt Minh đã chủ động liên lạc với Mỹ, Trung Quốc và để hợp tác chống phát xít Nhật.

c. Từ giai đoạn này, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Mỹ đã chính thức được xác lập.

d. Việt Minh đóng vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đảng Cộng sản Đông Dương cũng tích cực củng cố quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thành lập Tiểu ban vận động Hoa Kiều, giúp đỡ người Hoa tổ chức hội cứu quốc. Nhằm mở rộng quan hệ với lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á, Đảng Cộng sản Đông Dương liên lạc với phong trào dân tộc chống quân phiệt Nhật Bản ở một số nước như: Miến Điện, Mã Lai, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a.”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, trang 75)

a. Tư liệu trên nói về quan hệ giữa Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào chống Nhật ở châu Á.

b. Mặt trận Việt Minh đã tổ chức các hội người Hoa cứu quốc nhằm giúp đỡ Trung Quốc chống Nhật.

c. Hoạt động trên đã góp phần quan trọng tập hợp lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á.

d. Đảng Cộng sản Đông Dương đã trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào đầu tranh chống Nhật ở châu Á.

**Câu 5.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương. Hiệp định đã đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân Việt Nam, Hiệp định này cũng tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho sự nghiệp đầu tranh thông nhất đất nước của Việt Nam sau đó.”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Cánh diều*, trang 77)

a. Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên của Việt Nam với nước ngoài.

b. Với Hiệp định Giơ-ne-vơ, lần đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được công nhận.

c. Hiệp định Giơ-ne-vơ đã tạo ra cơ sở pháp lý để Việt Nam đấu tranh thống nhất đất nước.

d. Hiệp định Giơ-ne-vơ là kết quả thắng lợi cuộc đầu tranh trên mặt trận quân sự, ngoại giao.

**Câu 6.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư, công hàm cho Đại hội đồng Liên hợp quốc và chính phủ một số nước, kháng định tính hợp pháp của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đề nghị công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm mỏng với quân đội Trung Hoa Dân quốc, cương quyết chống thực dân Pháp xâm lược. Ký với Pháp Hiệp định Sơ-bộ (6/3/1946). Tiến hành đàm phán ngoại giao tại Đà Lạt, Phông- ten nơ-bờ-lô (Pháp) và ký với Pháp bản Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946). Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin tại Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ; cử đại diện tham gia một số hội nghị quốc tế và khu vực tại châu Á và châu Âu.'“

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Cánh diều*, trang 76).

a. Tư liệu đề cập những hoạt động của Hồ Chủ tịch về ngoại giao sau cách mạng.

b. Với ký Hiệp định với Pháp là chiến lược ngoại giao khôn khéo của Hồ Chủ tịch.

c. Sau năm 1945, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được một số tổ chức quốc tế công nhận.

d. Giai đoạn này, Việt Nam đã nhân nhượng có nguyên tắc với các thế lực ngoại xâm.

**Câu 7.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975), ngoại giao chính thức được coi là một mặt trận từ Hội nghị lần thứ 13 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 01-1967). Hội nghị chủ trương đẩy mạnh đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, trong đó “đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động”. Tiếp đó, năm 1969, Bộ Chính trị ra nghị quyết nêu rõ: “Ngoại giao đã trở thành mặt trận quan trọng có ý nghĩa chiến lược”.”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Cánh diều*, trang 78).

a. Từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngoại giao đã trở thành mặt trận quan trọng.

b. Sau trận Mậu Thân 1968, Mỹ đã phải chấp nhận đàm phán với ta tại hội nghị Pa-ri.

c. Ngoại giao đã góp một phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

d. Mặt trận ngoại giao đã nêu cao tính chính nghĩa, tiêu diệt hoàn toàn quân đội Mỹ.

**Câu 8.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đặt bút ký vào bản Hiệp định Pa-ri lịch sử, tôi vô cùng xúc động... Tôi như thay mặt Nhân dân và các chiến sĩ cách mạng miền Nam Việt Nam làm nhiệm vụ đấu tranh trên tiền tuyến và trong lao tù cắm ngọn cờ chiến thắng chói lại. vinh dự đó đối với tôi thật quá to lớn. Tôi không có đủ lời để nói lên được lòng biết ơn vô tận đối với đồng bào và chiến sĩ ta từ Nam chí Bắc đã chấp nhận mọi hy sinh dũng cảm chiến đấu để có được thắng lợi to lớn hôm nay”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 12*, bộ *Cánh diều*, trang 78).

a. Tư liệu trên nói về thời khắc lịch sử khi cuộc kháng chiến thắng lợi.

b. Hiệp định Pa-ri đã chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

c. Với Hiệp định Pa-ri, cuộc đấu tranh ngoại giao đã giành thắng lợi to lớn.

d. Thắng lợi ở Pa-ri là kết quả trực tiếp từ thắng lợi trên các chiến trường.